

Danh mục cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

(Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá)

- Tổng diện tích đất của trường (ha): **14,3 ha** ($\approx 143.477 \text{ m}^2$).

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: **3.360 chỗ**

- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: $16,72 \text{ m}^2/\text{sinh viên}$

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của nhà trường.		
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	02	485
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ (giảng đường dốc)	04	728
1.3	Phòng học từ 40 - 100 chỗ	22	2.396
1.4	Số phòng học chuyên dụng	04	260
1.5	Số phòng học đa phương tiện	05	398
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên của nhà trường.	25	1.895
1.7	Giảng đường học chung (ngành GDQP-AN)	14	2100
1.8	Phòng học chuyên dùng (ngành GDQP-AN)	01	200
2	Thư viện, trung tâm học liệu.	02	1.152
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập.	26	26.440
	Tổng :		36.054

2.2. Các thông tin khác:

2.2.1. *Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm, nhà thi đấu đa năng, sân bãi tập luyện, thao trường, bãi tập quân sự, bể bơi và các trang thiết bị:*

Phục vụ các ngành:

- Mã ngành: **7140206** Tên ngành: **Giáo dục Thể chất**
- Mã ngành: **7140208** Tên ngành: **Giáo dục Quốc phòng và An ninh**
- Mã ngành: **7810302** Tên ngành: **Huấn luyện Thể thao**

TT	Tên	Số lượng	Các trang thiết bị chính	Phục vụ ngành đào tạo
1	Phòng thực hành Tin học – ngoại ngữ (phòng đa năng)	03	62 máy tính nối mạng.	7140206 7140208 7810302

TT	Tên	Số lượng	Các trang thiết bị chính	Phục vụ ngành đào tạo
2	Máy chiếu	26		
3	Phòng học Giải phẫu	01	Các bộ xương người thật. Mô hình giải phẫu 21 phần Torso; Bộ dụng cụ đo độ dày da; Bộ lực kế lưng; Bộ lực kế tay; Bộ thước nhân trắc; 02 bộ Cân, đo điện tử.	7140206 7140208 7810302
4	Phòng thực hành Ngoại ngữ.	01	52 màn hình hiện thị và máy chủ.	7140206 7140208 7810302
5	Phòng thực hành Y học	01	Máy đo mạch tự động; Máy phân tích chức năng hô hấp; Thiết bị nghiên cứu thể lực khi vận động; Máy điện tim ECG 1503 Mỹ; Máy xét nghiệm sinh hoá nước tiểu tự động 11 thông số Combil; Máy siêu âm ALOKA Nhật - TQ (SSD1000); Máy sinh hoá bán tự động Humalyzer 2000; Máy trị liệu điện xung và điện phân thuốc ES- 521; Máy xét nghiệm huyết học tự động 18 thông số MEK- 6420K; Thiết bị đo phản xạ toàn thân 1264B Nhật; Nhiệt kế hồng ngoại kỹ thuật số; Máy đo tầm hoạt động khớp; Thiết bị phục hồi chấn thương bằng xoa bóp điện tử.	7140206 7140208 7810302
6	Phòng thực hành Sinh hóa, Sinh lý TDDT.	01	Các thiết bị Sinh hóa, Sinh lý TDDT. Máy sinh hoá bán tự động Humalyzer 2000; Máy trị liệu điện xung và điện phân thuốc ES-521; Máy xét nghiệm huyết học tự động 18 thông số MEK- 6420K; Máy xét nghiệm sinh hoá nước tiểu tự động 11 thông số Combil; Máy XQ chụp tổng hợp cao tần EZY – RAD.	7140206 7140208 7810302
7	Nhà tập đa năng (tổng diện tích 1.392 m2)	01	Các thiết bị, máy tập TDDT. Hệ thống thang giống thể dục; Xà đơn thi đấu DA9-TQ; Xà kép luyện tập SHB1-TQ; Xà lệch luyện tập GA1-TQ.	7140206 7140208 7810302

TT	Tên	Số lượng	Các trang thiết bị chính	Phục vụ ngành đào tạo
8	Nhà tập, thi đấu đa năng (tổng diện tích 3.200 m2)	01	Các thiết bị, máy tập TDDT. Máy tập tạ 113, Máy tập tạ 202, Máy tập tạ 608, Máy tập bụng 210, Máy tập cẳng chân 620S, Máy tập đùi 602B, Máy tập lưng 304, Máy tập lưng 504, Máy tập lưng 712, Máy tập tạ 407B, Máy tập vai và tay FT444, Máy tập vai và tay FT555; Ván dậm nhảy ZTA9-TQ; Dàn tạ 300G/120GD; Tạ gánh Jinling; Thảm tập đa năng Mỹ. Bộ cột sân Bóng rổ.	7140206 7140208 7810302
9	Nhà tập bóng bàn	01	Các bộ bàn bóng bàn, thiết bị tập bóng bàn. Tổng diện tích 725 m2.	7140206 7810302
10	Sân điền kinh với đường chạy phủ nhựa tổng hợp Mỹ.	01	Tổng diện tích 6.500 m2	7140206 7140208 7810302
11	Sân bóng đá phủ cỏ nhân tạo Mỹ	02	Tổng diện tích 10.800 m2	7140206 7810302
12	Sân bóng chuyền tiêu chuẩn Quốc gia	05	Tổng diện tích 2250 m2	7140206 7810302
13	Sân bóng rổ	02	Tổng diện tích 1640 m2	7140206 7810302
14	Sân bóng ném	01	Tổng diện tích 1.300 m2	7140206 7810302
15	Sân quần vợt tiêu chuẩn Quốc gia	02	Tổng diện tích 1.040 m2	7140206 7810302
16	Bể bơi tiêu chuẩn Quốc gia	01	10 đường bơi cự ly 50 m Tổng diện tích 3540 m2	7140206 7140208 7810302
17	Thao trường, bãi tập Điều lệnh	02	Các trang thiết bị dùng cho tập điều lệnh, tập đội hình, đội ngũ.	7140208
18	Thao trường, bãi tập bắn	01	Các trang thiết bị, máy tập bắn.	7140208
19	Thao trường, bãi tập Chiến thuật	02	Các trang thiết bị dùng cho tập chiến thuật bộ binh tiểu đội, trung đội.	7140208

TT	Tên	Số lượng	Các trang thiết bị chính	Phục vụ ngành đào tạo
20	Kho Vũ khí quân dụng	01	631 súng tiểu liên AK hoán cải, 03 tủ sắt đựng súng (dành cho Trung đội), 50 tủ sắt đựng súng (dành cho Tiểu đội), 19 mô hình súng cắt cỏ (khẩu súng cắt cỏ trong tập bắn), 11 Thiết bị bắn tập MBT-03.	7140208
21	Kho Quân trang	01	3000 bộ trang phục Nam, 2000 bộ trang phục Nữ (quần, áo, thắt lưng, mũ, giày), 2200 áo bông - dùng cho sinh viên học Giáo dục quốc phòng.	7140208

Ghi chú: Nhà trường đã có kế hoạch mua sắm bổ sung trang thiết bị, xin cấp phép mua bổ sung vũ khí quân dụng dùng trong giảng dạy, học tập ngành Giáo dục Quốc phòng và An ninh.

2.2.2. Thống kê về học liệu trong thư viện (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo, sách, tạp chí, kể cả E-book, cơ sở dữ liệu điện tử):

Phục vụ các ngành:

- Mã ngành : **7140206** Tên ngành : **Giáo dục Thể chất**
- Mã ngành : **7140208** Tên ngành : **Giáo dục Quốc phòng - An ninh**
- Mã ngành : **7810302** Tên ngành : **Huấn luyện Thể thao**

STT	Khối ngành đào tạo/Nhóm ngành	Số đầu sách / số lượng cuốn
1.	Khối ngành/Nhóm ngành I (nhóm ngành Đào tạo giáo viên)	2.276 đầu sách / 16.864 cuốn
2.	Khối ngành II	
3.	Khối ngành III	
4.	Khối ngành IV	
5.	Khối ngành V	
6.	Khối ngành VI	
7.	Khối ngành VII	500 đầu sách/ 16.864 cuốn

Thư viện có hệ thống máy tính nối mạng để tra cứu tài liệu. Thư viện hiện có đầy đủ giáo trình, sách, tài liệu tham khảo, tạp chí phục vụ đào tạo với tổng số **2.776 đầu sách**, giáo trình, tài liệu tham khảo, tạp chí chuyên ngành với số lượng **16.864 cuốn** các loại.